

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm nguyên vật liệu
- Đề tài: “Nghiên cứu chế tạo vật liệu trên cơ sở nhựa polyetylen và các phụ gia nano để chế tạo composit có độ bền cơ, lý, hoá, và nhiệt cao ứng dụng trong công nghiệp
- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước.
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Viện nghiên cứu và phát triển vật liệu mới, km22 khu tiểu thủ công nghiệp Ngọc Hòa, phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100% chưa qua sử dụng, là hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp (*Nhà thầu phải có thuyết minh nội dung này trong E-HSDT hoặc có cam kết kèm theo*).
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue hoặc các tài liệu có liên quan để chứng minh hàng hóa do mình chào thầu là đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt hoặc chấp nhận được:

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, quy cách	ĐVT	Số lượng
1	Hạt nhựa LLDPE	- Thông số kỹ thuật: Khối lượng riêng 0,91-0,94 g/cm ³ , chỉ số chảy 15-20g/10 phút. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	20
2	Hạt nhựa HDPE	- Thông số kỹ thuật: Khối lượng riêng 0,92-0,93 g/cm ³ , chỉ số chảy 6-9g/10 phút. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	20
3	Silic oxit	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết ≥99%, kích thước hạt 4-20mesh. - Quy cách đóng gói: Lọ 100g.	Lọ	1
4	Nano silica	- Thông số kỹ thuật: Dạng bột nano, độ tinh khiết ≥99%, kích thước hạt 10-20nm. - Quy cách đóng gói: Lọ 50g.	Lọ	1
5	Cacbon nanotube	- Thông số kỹ thuật: Dạng bột, kích thước hạt 6-13nm, hàm lượng C ≥ 98%. - Quy cách đóng gói: Lọ 1g.	Lọ	1
6	Amoni polyphotphat	- Thông số kỹ thuật : Độ tinh khiết 99,9%, Hàm lượng P 31,0-32,0%, hàm lượng N 14,0-15,0%, pH 5,5-7,5.	Bao	4

		- Quy cách đóng gói: Bao 20kg.		
7	Nhôm hydroxit	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	4
8	Melamin polyphosphat	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	5
9	Paraffin wax	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	1
10	Kẽm stearat	- Thông số kỹ thuật: Dạng bột trắng, Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 20kg.	Bao	1
11	Irganox 1010	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$, dạng bột. - Quy cách đóng gói: Bao 20kg.	Bao	1
12	Irgafos 168	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	1
13	Irganox 1076	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 20kg.	Bao	1
14	Chimassorb 944	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	1
15	Tinuvin 622	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Thùng 25kg.	Thùng	1
16	Tinuvin 326	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 25kg.	Bao	1
17	Bột màu	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Lọ 1kg.	Lọ	20
18	3-aminopropyltriethoxysilane	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết 99%. - Quy cách đóng gói: Chai 500ml.	Chai	1
19	Axit stearic	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 97\%$. - Quy cách đóng gói: Lọ 1kg.	Lọ	1
20	Axit oleic	Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 97,5\%$. - Quy cách đóng gói: Lọ 500ml.	Lọ	1
21	3-aminopropyltriethoxysilane	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: kg.	kg	1
22	Axit stearic	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 92\%$. - Quy cách đóng gói: kg.	kg	12
23	Axit oleic	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết 75-99%. - Quy cách đóng gói: kg.	kg	12
24	Nước cất 2 lần	- Thông số kỹ thuật: Hàm lượng cặn $\leq 0,02$ mg/L; pH=5,5-6,5. - Quy cách đóng gói: Can 5 lít.	Can	50
25	Phụ gia quá trình	- Thông số kỹ thuật: Dạng hạt trắng, kích thước hạt ≤ 10 mesh. - Quy cách đóng gói: Bao 20kg.	Bao	1
26	Silic oxit	- Thông số kỹ thuật: Hàm lượng SiO ₂ $\geq 99\%$. - Quy cách đóng gói: Bao 10kg.	Bao	10
27	Nano silica	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết $\geq 99\%$; kích thước hạt 20-30nm.	Lọ	19

		- Quy cách đóng gói: Lọ 1kg.		
28	Cacbon nanotube	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết 95%, kích thước 7-15nm. - Quy cách đóng gói: Lọ 1kg.	Lọ	20
29	HNO ₃	Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết ≥ 65%. - Quy cách đóng gói: Lọ 2,5 lít.	Lọ	1
30	H ₂ SO ₄	- Thông số kỹ thuật: Độ tinh khiết 95-97%. - Quy cách đóng gói: Lọ 2,5 lít.	Lọ	1
31	Ống chuẩn NaOH 0,1N	- Thông số kỹ thuật: dạng dung dịch trong suốt. - Quy cách đóng gói: Ống.	Ống	10
32	Ống chuẩn H ₂ SO ₄ 0,1N	Thông số kỹ thuật: dạng dung dịch trong suốt. - Quy cách đóng gói: Ống.	Ống	10
33	Ống chuẩn HCl 0,1N	Thông số kỹ thuật: dạng dung dịch trong suốt. - Quy cách đóng gói: Ống.	Ống	10
34	Phenol phtalein	Thông số kỹ thuật: dạng bột, màu trắng. - Quy cách đóng gói: Lọ 25g.	Lọ	10
35	Metyl da cam	- Thông số kỹ thuật: dạng bột, màu cam. - Quy cách đóng gói: Lọ 25g.	Lọ	10
36	NaOH	- Thông số kỹ thuật: độ tinh khiết 96-98%. - Quy cách đóng gói: Lọ 500g.	Lọ	10
37	HCl	- Thông số kỹ thuật: độ tinh khiết 36-38%. - Quy cách đóng gói: Chai 500ml.	Chai	10
38	HNO ₃	- Thông số kỹ thuật: độ tinh khiết ≥ 65%. - Quy cách đóng gói: Chai 500ml.	Chai	10
39	H ₂ SO ₄	- Thông số kỹ thuật: độ tinh khiết 95-98%. - Quy cách đóng gói: Chai 500ml.	Chai	10
40	Cồn công nghiệp	- Thông số kỹ thuật: nồng độ ≥ 70°, dạng lỏng, không màu. - Quy cách đóng gói: Can 30 lít.	Can	30

Ghi chú:

- Tên hãng sản xuất, model, ký mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo, hàng hóa dự thầu chỉ cần có thông số kỹ thuật tương đương với hàng hóa nêu ra làm tham khảo (tương đương được hiểu là có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất bằng hoặc tốt hơn sản phẩm được nêu ra làm cơ sở tham khảo).

- Nhà thầu có thể chào thầu hàng hóa có thông số bằng hoặc tốt hơn yêu cầu ở trên (thông số kỹ thuật tốt hơn được hiểu là có những thông số cao cấp, tối ưu hơn so với các thông số yêu cầu của hàng hóa đó).

- Nhà thầu lập bảng mô tả thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu theo thứ tự của hàng hóa tại bảng nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác:

a) Phương án tổ chức bàn giao, tiến độ thực hiện

- Nhà thầu phải có thuyết minh trình bày chi tiết phương án cung cấp bàn giao hàng hoá, đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hoá nằm trong phạm vi thời gian giao hàng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

- Vận chuyển và đóng gói hàng hóa: Nhà thầu có nêu nội dung hoặc cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về quá trình vận chuyển, bốc xếp, đóng gói hàng hóa. Nhà thầu chịu trách nhiệm bàn giao vị trí theo chỉ định của Bên tiếp nhận.

- Phương án thông báo thông tin, phối hợp bàn giao, lắp đặt hàng hoá: Cam kết hoặc có thuyết minh đảm bảo báo trước thời điểm bàn giao hàng, lắp đặt hoá dự kiến tối thiểu 24 giờ để bố trí mặt bằng và cán bộ phối hợp tiếp nhận, kiểm tra.

- Tiến độ bàn giao hàng hóa đảm bảo được yêu cầu: không chia nhỏ đợt bàn giao quá 3 đợt, tổng tiến độ bàn giao nằm trong phạm vi giới hạn thời gian yêu cầu tại bảng yêu cầu phạm vi cung cấp hàng hóa.

- Tại thời điểm bàn giao hàng hóa, đối với hàng hóa có hạn sử dụng thì thời hạn sử dụng còn lại phải không ít hơn 1/2 thời gian sử dụng theo quy định của nhà sản xuất.

b) Bảo hành, dịch vụ sau bán hàng

- Tất cả hàng hóa đều được bảo hành theo đúng quy định của hãng sản xuất và đơn vị phân phối chính hãng.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử chuyên gia hoặc cán bộ kỹ thuật đến khắc phục sự cố không chậm quá 48 giờ kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư, phương thức bảo hành là thu hồi sản phẩm lỗi và thay thế sản phẩm đạt yêu cầu. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.

c) Yêu cầu về đóng gói hàng hóa, kiểm tra hàng hóa

- Bao bì đóng gói: Nhãn hàng hóa tuân thủ quy chế về nhãn hàng hóa lưu hành trên thị trường Việt Nam. Bao bì còn mới, không biến màu, không rách nát, biến dạng. Dán đầy đủ tem mác.

- Trong quá trình kiểm tra, nếu Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng, xuất xứ và bản quyền hàng hóa, sản phẩm của nhà cung cấp, Chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để tiến hành đánh giá, kiểm tra, thử nghiệm hoặc xin xác nhận của nhà phân phối, hãng sản xuất của loại hàng hóa đó. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng hàng hóa, sản phẩm do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của E-HSMT và hợp đồng đã ký kết.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Khi hàng hóa được chuyển đến bên mua, bên bán báo cho bên mua biết để hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng hóa gồm các tài liệu được quy định tại Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Cách thức xử lý đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm: Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật, không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm các chính sách có liên quan do nhà nước ban hành: hải quan, thuế, môi trường,... sẽ không được chấp nhận nghiệm thu bàn giao và nhà thầu có trách nhiệm thay

thể, khắc phục đáp ứng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu và các yêu cầu cụ thể tại hợp đồng.